

Nghiên cứu sự khác biệt trong thu nhập hộ gia đình: Trường hợp tỉnh An Giang

Bùi Thị Kim Thanh^{1*}, Võ Thị Ánh Nguyệt¹, Nguyễn Thị Ngọc Lan²

¹Trường Đại học Cần Thơ, khu II, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam

²Công ty TNHH Táo Xanh Agency, khu dân cư 586, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, TP Cần Thơ, Việt Nam

Ngày nhận bài 14/12/2023; ngày chuyển phản biện 18/12/2023; ngày nhận phản biện 20/1/2024; ngày chấp nhận đăng 25/1/2024

Tóm tắt:

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tách theo nhóm và phương pháp ước lượng hồi quy để làm rõ đặc điểm cụ thể của tình trạng bất bình đẳng thu nhập và xem xét các nhân tố ảnh hưởng gián tiếp đến bất bình đẳng thu nhập hộ gia đình tại tỉnh An Giang. Kết quả phân tích cho thấy, tình trạng bất bình đẳng thu nhập của tỉnh chủ yếu xuất phát từ bất bình đẳng trong nội bộ khu vực thành thị và bất bình đẳng trong nội bộ khu vực nông thôn thay vì bất bình đẳng thu nhập giữa các tỉnh. Mức độ bất bình đẳng thu nhập trong nội bộ khu vực nông thôn và nội bộ khu vực thành thị cao hơn bất bình đẳng giữa các khu vực một cách đáng kể. Mức độ bất bình đẳng tại khu vực nông thôn lại cao hơn so với khu vực thành thị. Nghiên cứu còn cho thấy mức độ ảnh hưởng của các đặc điểm hộ gia đình như độ tuổi, giới tính, dân tộc, tình trạng sức khỏe, trình độ học vấn của chủ hộ và số hoạt động tạo thu nhập, lĩnh vực hoạt động, số lao động của hộ đến thu nhập hộ gia đình. Sự khác biệt về các đặc điểm gián tiếp này góp phần vào tình trạng chênh lệch thu nhập giữa các hộ gia đình. Do đó, sự khác biệt về những đặc điểm hộ gia đình phần nào giải thích cho tình trạng bất bình đẳng thu nhập ở tỉnh An Giang.

Từ khóa: bất bình đẳng thu nhập, phát triển kinh tế, thu nhập hộ gia đình.

Chỉ số phân loại: 5.2, 5.4

Difference in household income: The case of An Giang province

Thi Kim Thanh Bui^{1*}, Thi Anh Nguyen Vo¹, Thi Ngoc Lan Nguyen²

¹Can Tho University, Campus II, 3/2 Street, Xuan Khanh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City, Vietnam

²Agency Green Apple Company Limited, Residential Area 586, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Received 14 December 2023; revised 20 January 2024; accepted 25 January 2024

Abstract:

This study employs decomposition by population subgroup and regression estimation methods to analyse the income inequality in An Giang province and investigate several indirect causes of this dispersion in household income. Results of the decomposition by population subgroups suggest that the province's income inequality is mainly caused by inequality within urban areas and inequality within rural areas instead of income inequality between provinces. Both within-group inequality in the rural and urban areas are considerably greater than the inequality between these areas. The income inequality in the rural area is greater than that in the urban area. Besides, regression estimation shows that the age, gender, ethnicity, health, and education of the household heads and the household characteristics such as number and type of income sources, number of labour in the household significantly affect the household income. Differences in these indirect characteristics among households contribute to the difference in household income. Consequently, these differences in household characteristics partially explain the income inequality in An Giang province.

Keywords: economic development, household income, income inequality.

Classification numbers: 5.2, 5.4

*Tác giả liên hệ: btkthanh@ctu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh tăng trưởng chung của nền kinh tế Việt Nam, thu nhập của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) gia tăng đáng kể. Theo báo cáo từ Tổng cục Thống kê, thu nhập bình quân đầu người ở ĐBSCL trong năm 2020 tăng hơn 3 lần so với năm 2010. Đồng thời, vấn đề bất bình đẳng thu nhập nội vùng giảm, với hệ số Gini cả vùng giảm từ 0,431 (năm 2016) xuống còn 0,372 (năm 2020) [1]. Đây được xem là tín hiệu khả quan về tình hình phát triển kinh tế của ĐBSCL.

Vấn đề bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam nói chung và tại ĐBSCL nói riêng đã được nghiên cứu trong thời gian qua. Mức độ bất bình đẳng thu nhập trong nước có xu hướng giảm kể từ sau 2008 cùng với đà tăng trưởng kinh tế [2]. Đi kèm với sự giảm đi của bất bình đẳng thu nhập, tình hình bất bình đẳng ở khía cạnh khác như học vấn, sức khỏe, điều kiện sống có sự cải thiện đáng kể [3]. Thêm vào đó, tình trạng bất bình đẳng giữa thành thị và nông thôn đã giảm nhiều qua thời gian nhờ vào sự chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành thị [4]. Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn, tuy có ảnh hưởng, nhưng lại không phải là nhân tố chính cấu thành nên mức độ bất bình đẳng thu nhập giữa các hộ gia đình tại ĐBSCL [5].

Cho đến nay, các nghiên cứu vẫn chưa cho thấy được đặc điểm cụ thể của tình hình bất bình đẳng tại mỗi địa phương của vùng ĐBSCL. Liệu bất bình đẳng thu nhập chủ yếu xuất phát từ sự chênh lệch giàu nghèo giữa khu vực nông thôn và khu vực thành thị, hay từ sự chênh lệch thu nhập giữa các hộ gia đình sinh sống trong cùng khu vực với nhau? Nghiên cứu cố gắng trả lời câu hỏi này thông qua việc ước lượng rõ mức độ đóng góp của mỗi thành phần nói trên vào tình hình bất bình đẳng thu nhập trên địa bàn toàn tỉnh An Giang.

Bên cạnh các yếu tố vi mô và vĩ mô ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng bất bình đẳng thu nhập, các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình có tác động gián tiếp đến tình trạng bất bình đẳng tại địa phương. Sự khác nhau về các nhân tố này giữa các hộ gia đình dẫn đến sự chênh lệch thu nhập đáng kể giữa các hộ. Chẳng hạn như hộ gia đình gồm các thành viên có trình độ học vấn cao và nghề nghiệp ổn định thường có thu nhập cao hơn. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy, thu nhập của hộ gia đình tại ĐBSCL được quyết định bởi các đặc điểm cá nhân của chủ hộ và các thành viên trong hộ, đặc biệt là trình độ học vấn [6]. Trong khi đó, tại ĐBSCL, trình độ học vấn giữa các cá nhân tại mỗi khu vực trong vùng có sự chênh lệch đáng kể. Vấn đề này càng nghiêm trọng tại các tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống [7]. Hoạt động sinh kế của hộ gia đình cũng có đóng góp khá lớn vào mức chi tiêu cho lương thực và mức thu nhập của hộ ở khu vực nông thôn ĐBSCL [8]. Qua đó, có thể thấy vai trò tác động gián tiếp của các đặc điểm này đến mức độ bất bình đẳng thu nhập tại địa phương. Do đó, nghiên cứu đồng thời xem xét ảnh hưởng của các nhân tố tác động gián tiếp đến thu nhập hộ, nhằm cung cấp thêm thông tin về tầm quan trọng của đặc điểm hộ gia đình đến sự chênh lệch thu nhập hộ gia đình tại tỉnh An Giang.

Dựa trên 2 mục tiêu cụ thể vừa thảo luận, nghiên cứu hướng đến việc làm rõ đặc điểm của tình hình bất bình đẳng thu nhập tại tỉnh An Giang. Trên cơ sở đó, góp phần mô tả chi tiết hơn về vấn đề bất bình đẳng thu nhập tại mỗi địa phương trong vùng ĐBSCL.

2. Phương pháp nghiên cứu

Số liệu nghiên cứu được lấy từ Bộ số liệu điều tra mức sống dân cư Việt Nam (VHLSS) năm 2020. Đây là bộ số liệu điều tra thực hiện mỗi hai năm bởi Tổng cục Thống kê, mô tả đầy đủ thông tin về thu nhập, việc làm, đặc điểm hộ gia đình và các cá nhân sinh sống trong hộ tại tất cả các địa phương trong cả nước. Bài nghiên cứu trích số liệu của toàn bộ hộ gia đình trong tỉnh An Giang, bao gồm có khu vực thành thị và nông thôn. Từ VHLSS, nghiên cứu sử dụng số liệu đại diện cho 503.265 hộ gia đình tại tỉnh An Giang, bao gồm 336.735 hộ gia đình ở nông thôn và 166.530 hộ gia đình ở thành thị. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng thêm thông tin từ các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của Cục Thống kê tỉnh An Giang.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tách thành phần (decomposition by population subgroups) [9] được đề xuất bởi Shorrocks để tách chính xác mức độ bất bình đẳng thu nhập năm 2020 trong tỉnh An Giang thành 2 thành phần: bất bình đẳng giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn; bất bình đẳng nội bộ trong mỗi khu vực (thành thị, nông thôn). Hai thành phần này cộng dồn lại bằng đúng với mức độ bất bình đẳng chung trong toàn tỉnh An Giang. Thông qua việc tính toán độ lớn của mỗi thành phần, mức độ đóng góp vào tình hình bất bình đẳng chung của vấn đề bất bình đẳng giữa thành thị và nông thôn và của vấn đề bất bình đẳng nội bộ trong từng khu vực sẽ được xác định chính xác.

Nghiên cứu sử dụng chỉ số Gini và chỉ số Atkinson để đo lường mức độ bất bình đẳng tại tỉnh An Giang và tại ĐBSCL. Chỉ số Gini được sử dụng phổ biến trong các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, do đó đo lường mức độ bất bình đẳng tại tỉnh An Giang thông qua chỉ số này cho phép so sánh kết quả phân tích cho tỉnh với các địa phương khác. Tuy nhiên, phương pháp phân tách thành phần được đề cập bên trên chỉ cho phép áp dụng với chỉ số Atkinson và không thể áp dụng với chỉ số Gini [9]. Do đó, giá trị của chỉ số Atkinson được tính toán đồng thời với giá trị của chỉ số Gini để phù hợp với kỹ thuật phân tích. Sự biến thiên của giá trị chỉ số Atkinson và của chỉ số Gini là tương đồng. Giá trị của 2 chỉ số này càng cao phản ánh mức độ bất bình đẳng càng lớn.

Như đã thảo luận ở phần trên, đặc điểm hộ gia đình có ảnh hưởng đến mức thu nhập của hộ, do đó, các hộ gia đình với đặc điểm khác nhau sẽ có mức thu nhập chênh lệch nhau; điều này gián tiếp góp phần cho tình trạng bất bình đẳng thu nhập trong tỉnh. Dựa trên thông tin chi tiết về đặc điểm của từng hộ gia đình trong bộ số liệu VHLSS, bài nghiên cứu tiếp tục xem xét mối liên hệ gián tiếp của đặc điểm hộ gia đình đến tình hình bất bình đẳng thông qua việc phân tích tác động của đặc điểm hộ đến thu nhập của hộ tại tỉnh An Giang. Cụ thể, ảnh hưởng của

đặc điểm hộ đến thu nhập của từng hộ được ước lượng thông qua hồi quy tuyến tính đa biến với mô hình hồi quy như sau.

$$\begin{aligned} \text{thunhap} = & \beta_0 + \beta_1 \text{tuoi} + \beta_2 \text{tuoi}^2 + \beta_3 \text{hocvan} + \beta_4 \text{hoatdong} \\ & + \beta_5 \text{nam} + \beta_6 \text{suckhoe} + \beta_7 \text{thanhthi} + \beta_8 \text{dantoc} \\ & + \beta_9 \text{nongnghiep} + \beta_{10} \text{laodong} + \varepsilon \end{aligned}$$

trong đó, β là các tham số hồi quy, ε là phần sai số, biến *thunhap* ghi nhận mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình. Biến thu nhập bình quân đầu người của hộ được tính trên tổng thu nhập từ tất cả các thành viên trong hộ và thu nhập chung của cả hộ chia cho tổng số người trong hộ. Biến này được tính dựa trên giả định tất cả các thành viên trong hộ sẽ cùng được hưởng mức phúc lợi như nhau từ nguồn thu nhập chung của cả gia đình. Giả định được sử dụng trong nghiên cứu do (số liệu sử dụng) không có thông tin chi tiết về cách phân chia các nguồn thu nhập chung của hộ gia đình. Các biến còn lại ghi nhận đặc điểm của chủ hộ và đặc điểm chung của hộ. Cụ thể, độ tuổi, trình độ học vấn, giới tính, sức khỏe, dân tộc của chủ hộ lần lượt ghi nhận thông qua các biến *tuoi*, *hocvan*, *nam*, *suckhoe*, *dantoc*. Biến tuổi của chủ hộ được đo lường bằng số tuổi tính theo năm. Tương tự biến học vấn của chủ hộ đo lường trình độ học vấn quy đổi thành số năm đi học. Ví dụ như, chủ hộ học hết lớp 8 hoặc chủ hộ đã có bằng đại học sẽ có biến trình độ học vấn tương ứng với giá trị là 8 hoặc 16. Biến “*suckhoe*” ghi nhận tình trạng sức khỏe của chủ hộ; đây là biến nhị phân, nhận giá trị bằng 1 nếu chủ hộ có bị bệnh. Biến “*nam*” và biến “*dantoc*” là biến định danh, ghi nhận giới tính chủ hộ là nam và dân tộc của chủ hộ là người Kinh. Các đặc điểm còn lại của hộ như số hoạt động tạo thu nhập, hoạt động nông nghiệp, khu vực sinh sống, số lao động có thu nhập được ghi nhận lần lượt qua các biến *hoatdong*, *nongnghiep*, *thanhthi*, *laodong*. Biến số hoạt động tạo thu nhập ghi nhận tổng số việc mà hộ gia đình thực hiện để có thu nhập. Chẳng hạn như hộ gia đình vừa canh tác lúa, vừa tổ chức buôn bán tại nhà sẽ có biến “*hoatdong*” nhận giá trị bằng 2. Biến số lao động thể hiện số thành viên trong gia đình có việc làm tạo ra thu nhập độc lập với hoạt động tạo thu nhập chung của hộ. Biến “*nongnghiep*” và “*thanhthi*” là 2 biến định danh ghi nhận hộ có nguồn thu từ hoạt động nông nghiệp và khu vực sinh sống của hộ có phải ở thành thị hay không.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Phân tích tình hình bất bình đẳng thu nhập

Số liệu phân tích cho thấy, chỉ số Gini tính trên mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình tại tỉnh An Giang thấp hơn tương đối so với toàn vùng ĐBSCL. Đồng thời, độ lớn của chỉ số vẫn nằm trong mức an toàn cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế ổn định [10]. Tuy nhiên, nếu so sánh giữa 2 khu

vực trong tỉnh, mức độ bất bình đẳng ở khu vực nông thôn lại cao hơn bất bình đẳng ở khu vực thành thị (bảng 1). Các đặc điểm này vẫn đúng khi đo lường mức độ chênh lệch thu nhập giữa các hộ gia đình bằng chỉ số Atkinson, nhằm mục đích kiểm chứng (bảng 2).

Bảng 1. Chỉ số Gini khu vực thành thị và nông thôn.

	ĐBSCL	An Giang
Gini chung	0,36190	0,31324
Gini - thành thị	0,35404	0,29981
Gini - nông thôn	0,36112	0,31399

Tác giả tự tính toán dựa trên Bộ số liệu điều tra mức sống dân cư Việt Nam năm 2020.

Bảng 2. Chỉ số Atkinson khu vực thành thị và nông thôn.

	ĐBSCL	An Giang
Atkinson chung	0,33570	0,27720
Atkinson - thành thị	0,31288	0,23602
Atkinson - nông thôn	0,33647	0,28220

Tác giả tự tính toán dựa trên Bộ số liệu điều tra mức sống dân cư Việt Nam năm 2020.

3.2. Phân tích thành phần cấu thành bất bình đẳng thu nhập

Khi tách mức độ bất bình đẳng thành 2 thành phần, vấn đề bất bình đẳng thu nhập giữa các hộ gia đình tại tỉnh An Giang được cấu thành chủ yếu từ tình hình bất bình đẳng trong nội bộ từng khu vực. Cụ thể, bất bình đẳng trong nội bộ khu vực thành thị và bất bình đẳng trong nội bộ khu vực nông thôn chiếm hơn 93% (bảng 3). Trong khi đó, bất bình đẳng giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn chỉ chiếm chưa đến 7%. Điều này cho thấy, ưu tiên giảm bất bình đẳng trong từng khu vực có thể mang lại hiệu quả tốt cho việc thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các hộ gia đình trong tỉnh.

Bảng 3. Bất bình đẳng thu nhập nội bộ trong từng khu vực và bất bình đẳng giữa các khu vực.

Khu vực	Bất bình đẳng trong nội bộ từng khu vực	Tỷ trọng (%)	Bất bình đẳng giữa thành thị và nông thôn	Tỷ trọng (%)
ĐBSCL	0,32930	97,18	0,00954	2,82
An Giang	0,26462	93,93	0,01711	6,07

Tác giả tự tính toán dựa trên Bộ số liệu điều tra mức sống dân cư Việt Nam năm 2020.

3.3. Ảnh hưởng của đặc điểm hộ đến mức thu nhập bình quân của hộ gia đình

Kết quả phân tích hồi quy trình bày trong bảng 4 cho thấy, tác động ước lượng của các đặc điểm hộ đến thu nhập bình quân của hộ gia đình tại tỉnh An Giang đều có ý nghĩa thống kê (sử dụng mức ý nghĩa 1%) và phù hợp với lý thuyết kinh tế về thu nhập hộ gia đình.

Thu nhập của hộ có tương quan thuận với số tuổi của chủ hộ. Các gia đình với chủ hộ lớn tuổi có xu hướng đạt mức thu nhập cao hơn nhóm hộ còn lại. Tuy nhiên, mối tương quan giữa hai yếu tố này là phi tuyến tính. Thu nhập của các hộ gia đình có chủ hộ rất cao tuổi lại có xu hướng giảm ($\beta_1=79,8$ và $\beta_2=-0,7$). Bên cạnh đó, sức khỏe và trình độ học vấn của chủ hộ vẫn có ảnh hưởng nhất định đến thu nhập của hộ.

Nhóm đặc điểm chung của hộ như số hoạt động tạo thu nhập cho hộ, nguồn thu từ nông nghiệp góp phần tăng thu nhập của hộ. Điều này khá dễ lý giải và phù hợp với thực tế địa phương. An Giang có diện tích đất nông nghiệp lớn và thổ nhưỡng thuận lợi cho hoạt động nông nghiệp. Các hộ gia đình tận dụng được lợi thế này để tăng nguồn thu nhập cho hộ. Do đó, nhóm hộ gia đình có thêm nguồn thu từ hoạt động nông nghiệp có thu nhập cao hơn nhóm hộ còn lại. Kết quả này đồng thời lý giải cho tình trạng bất bình đẳng cao tại khu vực nông thôn của tỉnh An Giang.

Bảng 4. Ảnh hưởng của đặc điểm hộ gia đình.

Biến độc lập	Hệ số β	Sai số chuẩn
Tuoi	79,833	1,934
Tuoi ²	-0,687	0,017
Hocvan	185,813	1,339
Hoatdong	146,055	5,591
Nam	-638,601	15,985
Benh	-980,037	10,982
Thanhthi	260,742	7,978
Kinh	226,815	20,862
Nongnghiep	291,564	17,610
Laodong	143,250	5,138
Hằng số	-143,080	48,755
Prob > F		0,0000
Hệ số R ²		0,1380

Các hệ số ước lượng trong bảng đều có ý nghĩa thống kê tại mức ý nghĩa 1%. Tác giả tự tính toán dựa trên Bộ số liệu điều tra mức sống dân cư Việt Nam năm 2020.

4. Kết luận

Qua số liệu phân tích chung, có thể thấy An Giang là tỉnh có tình trạng chênh lệch thu nhập giữa các hộ gia đình ở mức vừa phải và khá tương đồng với tình hình chung của cả vùng ĐBSCL. Điều này không giống với suy nghĩ thông thường về tình trạng chênh lệch thu nhập giữa nông thôn và thành thị là nguyên nhân chính dẫn đến bất bình đẳng thu nhập trong toàn tỉnh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tình trạng bất bình đẳng thu nhập tại An Giang chủ yếu xuất phát từ bất bình đẳng trong nội bộ khu vực thành thị và bất bình đẳng trong nội bộ khu vực nông thôn hơn là bất bình đẳng giữa hai khu vực này với nhau. Điều đáng lưu ý là mức độ bất bình đẳng nội bộ trong khu vực nông thôn cao hơn mức

độ bất bình đẳng trong khu vực thành thị; chênh lệch thu nhập giữa các hộ gia đình cùng ở khu vực nông thôn với nhau lại cao hơn mức chênh lệch thu nhập giữa các hộ gia đình tại cùng khu vực thành thị.

Vấn đề vừa đề cập được lý giải một phần qua kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình. Hộ gia đình có nguồn thu ổn định từ hoạt động nông nghiệp có mức thu nhập bình quân cao hơn. Điều này là nguyên nhân dẫn đến mức chênh lệch thu nhập cao tại khu vực nông thôn. Chúng ta cần thêm nghiên cứu chuyên sâu để làm rõ mối quan hệ này, cũng như đề xuất giải pháp phù hợp. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn cho thấy vai trò của các nhân tố ở cấp độ vi mô như trình độ học vấn, sức khỏe của chủ hộ, số hoạt động tạo thu nhập, số lao động có ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập hộ và qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến tình trạng bất bình đẳng thu nhập tại tỉnh An Giang. Đây là các đặc điểm có thể thay đổi được thông qua chính sách kinh tế - xã hội phù hợp và nỗ lực của chính hộ gia đình. Các chính sách thúc đẩy giáo dục và y tế trong cộng đồng cùng với hoạt động hỗ trợ việc làm có thể giúp cải thiện các đặc điểm nêu trên của hộ có thu nhập thấp, giúp nâng cao thu nhập của hộ gia đình. Trên cơ sở đó, khoảng cách thu nhập giữa các hộ gia đình được thu hẹp giúp giảm nhẹ tình trạng bất bình đẳng thu nhập trong toàn tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] General Statistics Office of Vietnam (2021), *Statistical Yearbook of Vietnam*, Statistical Publishing House, 874pp (in Vietnamese).
- [2] D. Benjamin, L. Brandt, B.M. Caig (2017), "Growth with equity: Income inequality in Vietnam, 2002-2014", *Journal of Economic Inequality*, **15**(1), pp.25-46, DOI: 10.1007/s10888-016-9341-7.
- [3] T.K.T. Bui, G. Erreygers (2020), "Multidimensional inequality in Vietnam, 2002-2012", *Economies*, **8**(2), DOI: 10.3390/economies8020029.
- [4] T.H. Le, A.L. Booth (2014), "Inequality in Vietnamese urban-rural living standards, 1993-2006", *Review of Income and Wealth*, **60**(4), pp.862-886, DOI: 10.1111/roiw.12051.
- [5] B.T.K. Thanh, P.L.D. Hau (2023), "Income distribution characteristics in the Mekong delta", *Vietnam Trade and Industry Review*, **1**, pp.67-71 (in Vietnamese).
- [6] V.T.A. Nguyet, N.H.M. Tri (2020), "Determinants of household expenditure in the Mekong delta", *Journal of Trade Science*, **143**, pp.31-37 (in Vietnamese).
- [7] D.T. Hoa (2020), "Some issues facing ethnic minority households today", *Vietnam Academy of Social Science*, pp.1-9 (in Vietnamese).
- [8] H.N.P. Nhi, P.L. Thong (2020), "Consumption inequality between farm and nonfarm households in rural Mekong delta", *Journal of Economics and Development*, **271**, pp.70-80 (in Vietnamese).
- [9] A.F. Shorrocks (1984), "Inequality decomposition by population subgroups", *Econometrica: Journal of The Econometric Society*, **52**(6), pp.1369-1385, DOI: 10.1093/019271410.001.0001.
- [10] G.A. Cornia (2001), *Inequality, Growth and Poverty in The Era of Liberalisation and Globalisation*, UNU-Wider & UNDP, pp.3-25, DOI: 10.2307/1913511.